

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2020/HC-PT**

Ngày: 15-5-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán:

Ông **Trần Quốc Cường**

Bà **Lê Thúy Cầu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đình Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 121/2020/TLPT-HC ngày 04/02/2020, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 13-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 599/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Lê Sỹ N, sinh năm 1953; Địa chỉ: số 218 H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam;
2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1977 chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam (theo Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Dương Văn C, sinh năm 1972, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Cùng địa chỉ: 70 H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Bùi Tấn C, sinh năm 1981, chức vụ: Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 218 đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1972.

- Bà Trần Thị Tố N, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: số 216 đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, ông T có mặt và ông T đại diện cho bà N vợ ông.

*** Người kháng cáo:** Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Lê Sỹ N trình bày:

Năm 1997, sau khi ông lập gia đình, chú ông là ông Lê Văn S có chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông một lô đất tại tổ 1, khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để vợ chồng ông làm nhà. Lô đất có tứ cận:

- Đông giáp: đường Trần Quý Cáp (cũ);
- T giáp: đường vào cổng địa chất 154;
- Nam giáp: Tường nhà ông Lê Văn S;
- Bắc giáp: Công thoát nước và đường vào nhà máy nước T;

Việc chuyển nhượng được lập Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của vợ chồng ông S và ông. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông quản lý, sử dụng và nộp nghĩa vụ cho Nhà nước. Năm 2001, ông thực hiện việc kê khai đăng ký tại UBND phường A, thành phố T, có tên đăng ký của ông trong Sổ mục kê đất diện tích 253,8m² tại thửa 71, loại đất thổ cư. Sổ mục kê đất được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam ký phê duyệt tháng 12/2001. Gia đình ông đã làm nhà ở từ khi nhận chuyển nhượng năm 1997 trên lô đất này và

sử dụng ổn định liên tục cho đến nay.

Tháng 01/2002, để có tiền sửa nhà, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn T diện tích 85m², chiều ngang 05m, chiều dài 17m để ông T làm nhà ở. Việc chuyển nhượng được lập Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn T.

Tháng 4/2013 vợ chồng ông Nguyễn T sửa chữa lại nhà cũ, trong quá trình sửa nhà đã lấn chiếm phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông với diện tích 37m², trên phần đất ông T lấn chiếm ông có móng phân định ranh giới rõ ràng. Khi bị ông T lấn chiếm đất ông có yêu cầu UBND phường A giải quyết. Tại biên bản ngày 26/5/2013 đã xác nhận: Việc ông T coi nói lấn chiếm đất do ông đang quản lý, sử dụng là sai, buộc ông T phải tháo dỡ trả lại nguyên trạng và chấm dứt, không được lấn chiếm, coi nói để ổn định trật tự.

Từ năm 2013 đến nay, ông liên tục khiếu nại chưa được giải quyết dứt điểm nhưng Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T đã tiến hành bán phần diện tích đất 37m² đang tranh chấp và thuộc quyền quản lý và sử dụng của vợ chồng ông cho vợ chồng ông Nguyễn T, không thông qua UBND phường A.

Nay ông khởi kiện yêu cầu:

Hủy Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N.

- Buộc UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam trả lại 37m² đất cho gia đình ông Lê Sỹ N hoặc bồi thường theo giá thị trường với giá trị 26.500.000 đồng/m², đồng thời bồi thường thiệt hại do mất thu nhập về việc cho thuê mặt bằng của vợ chồng ông N từ tháng 01/2014 đến nay là 18.000.000 đồng (60 tháng x 300.000 đồng).

Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T; lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T tại phiên tòa sơ thẩm, như sau:

Ngày 25/9/2018, ông Lê Sỹ N có đơn khiếu nại việc UBND thành phố T khai thác giao đất cho ông Nguyễn T đối với phần diện tích đất 37m² tại khối 4, phường A đang tranh chấp giữa vợ chồng ông N với vợ chồng ông T, yêu cầu UBND thành phố T trả lại 37m² đất nêu trên, nếu không trả lại đất thì bồi thường theo giá thị trường 26.500.000 đồng/m²; Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn T phải tháo dỡ vật kiến trúc trên đất ngoài diện tích 122m² trả lại đất cho ông N,

đề nghị UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N diện tích 131,8m² tại thửa đất số 71, khối phố 4, phường A.

Trên cơ sở xác minh và báo cáo kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại báo cáo số 1825/BC-TNMT ngày 19/10/2018, UBND thành phố T đã tổ chức đối thoại với ông Lê Sỹ N và ban hành Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N.

Theo công văn số 328/UBND ngày 13/12/2013 của UBND phường A: “Mảnh đất này có nguồn gốc là của Đoàn địa chất 154, sau đó đến khoảng năm 1985 ông Lê Văn S quản lý và năm 2000 ông S tự thỏa thuận với vợ chồng ông N và giao cho ông N sử dụng đến nay. Vào năm 2002, ông N tự thỏa thuận mua bán cho ông Nguyễn T với diện tích 85m² để ông T xây dựng nhà ở và phần còn lại bỏ trống. Qua kiểm tra hồ sơ thửa đất theo Nghị định 60/CP loại đất hoang do UBND phường quản lý.

Ngày 29/12/2014, UBND phường A có báo cáo số 479/BC-UBND với nội dung: “Căn cứ vào hồ sơ, giấy tờ chuyển nhượng thì diện tích đất ông N còn lại để sử dụng là 135m², nhưng qua kiểm tra thực tế hiện trạng thì hiện nay ông N đang sử dụng diện tích thực tế là 253,8m². Do vậy, phần đất dôi dư ông Nguyễn T coi như xây dựng trái phép mà ông N khiếu kiện, theo hồ sơ 60/CP là đất do UBND phường quản lý”.

Theo hồ sơ 60/CP, vị trí đất ông N có đơn khiếu nại UBND thành phố khai thác đất lẻ thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 17, loại đất Ao/K do UBND phường A quản lý.

Do không có cơ sở chứng minh ông N có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất UBND thành phố đã khai thác và giao quyền sử dụng cho ông Nguyễn T, vì vậy UBND thành phố không chấp nhận đơn khiếu nại của ông N.

Về trình tự thực hiện khai thác quỹ đất: Qua kiểm tra hiện trạng, phần đất ông N khởi kiện thực tế là ao tù nước đọng, đất do Nhà nước quản lý theo hồ sơ 64/CP.

Ngày 27/02/2014, UBND thành phố có thông báo số 86/TB-UBND giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp các phòng ban hoàn chỉnh hồ sơ khai thác quỹ đất lẻ đối với lô đất tại khối 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 23/4/2014, UBND thành phố ban hành Thông báo thỏa thuận địa điểm khai thác đất lẻ đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phường A. Trên cơ sở đó,

Trung tâm phát triển quỹ đất lập phương án khai thác đất lẻ số 03/PPTQĐ ngày 16/6/2014 kèm theo Trích đo địa chính số 100/TĐ-VPĐK do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T lập, diện tích đất khai thác là 37,5m².

Ngày 27/11/2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3769/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T để khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường A, T.

Vì vậy, việc UBND thành phố khai thác phần diện tích 37m², giao đất cho ông Nguyễn T và giải quyết các nội dung khiếu nại của ông Lê Sỹ N đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 13-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 115, 116;, 165, 173 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ N về việc “Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định 1360/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N (Đối với phần diện tích đất 37m² vợ chồng ông Lê Sỹ N đang tranh chấp với vợ chồng ông Nguyễn T).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải trả cho ông Lê Sỹ N và bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 832.722.000 đồng (Tám trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) giá trị 37m² đất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông N về việc yêu cầu UBND thành phố T bồi thường thiệt hại do mất thu nhập về việc cho thuê mặt bằng của vợ chồng ông N từ tháng 01/2014 đến nay là 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-12-2019, người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Lê Sỹ N giữ nguyên yêu

cầu khởi kiện. Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố T do ông Nguyễn Trường S đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Trường S cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng toàn bộ hồ sơ lưu trữ và chứng cứ do ông Lê Sỹ N cung cấp không thể hiện ông N có quyền sử dụng và đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 37m² đất. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 07-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N (đối với phần diện tích đất 37m² vợ chồng ông Lê Sỹ N đang tranh chấp với vợ chồng ông Nguyễn T), buộc UBND thành phố T phải trả cho ông Lê Sỹ N và bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 832.722.000 đồng giá trị 37m² đất là không đảm bảo các quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc bác tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nguồn gốc đất đã được UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) giao cho Đoàn Địa chất 154 quản lý. Đoàn địa chất 154 không quản lý hết, ông Lê Văn S là người ở đó đầu tiên đồ đất quản lý. Ngày 06-10-1997, ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị Lon lập Giấy nhượng quyền sử dụng đất cho cháu Lê Sỹ N con của anh ruột (đã hy sinh, mẹ mất) một lô đất tại Tổ 1, khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông N làm nhà ở, quản lý sử dụng đất ổn định, liên tục cho đến nay, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 2001, ông N tiến hành việc kê khai, đăng ký tại UBND phường A, thành phố T thể hiện tại Sổ mục kê đất có diện tích 253,8m², thửa đất số 71, loại đất thổ cư tại Khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sổ mục kê đất được Giám đốc Sở địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt tháng 12 năm 2001. Ngày 01-01-2002, ông Lê Sỹ N, bà Nguyễn Thị Thanh H lập Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T, bà Trần Thị Tố N lô đất có diện tích 85m², chiều dài 17m, chiều rộng 5m. Tháng 4 năm 2013, vợ chồng

ông T sửa lại nhà cũ lấn sang phần đất của ông N với diện tích 37m². Trên phần đất này ông N có xây móng phân định ranh giới. Ông N làm đơn khiếu nại. Tại biên bản làm việc ngày 25-6-2013, UBND phường A đã xác nhận: Việc ông T coi nói lấn chiếm đất do ông N đang quản lý và sử dụng là sai, buộc ông T phải tháo dỡ trả lại nguyên trạng và chấm dứt không được lấn chiếm, coi nói để ổn định trật tự. Nếu hộ ông T không chấp hành sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2013 đến nay, ông N liên tục khiếu nại nhưng chưa được giải quyết dứt điểm thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T tiến hành bán phần diện tích 37m² đang tranh chấp cho ông T, không thông qua UBND phường A (theo Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 29-12-2014 của UBND phường A).

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thì ông Lê Sỹ N đang sử dụng thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11, diện tích 133m². Ông Nguyễn T đang sử dụng thửa đất số 193, tờ bản đồ số 11, diện tích 98,9m² và thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11, diện tích 46,9m².

Diện tích đất ông N đang sử dụng (133m²) kể cả phần diện tích chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn T (85m²) tổng cộng là 218m² và theo kê khai của ông N là 253,8m², như vậy ông N còn thiếu 35,8m² tương đương với diện tích đất ông N yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T cũng cho rằng diện tích đất 37m² là thuộc phần đất do ông N quản lý. Do đó, có cơ sở xác định 37m² đất là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông N. Nhưng xét, phần diện tích 37m² hiện nay gia đình ông T đã xây dựng nhà kiên cố nên không thể trả lại đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đồng ý trả giá trị 37m² đất bằng tiền vì vị trí đó không còn đất là hợp tình, hợp lý.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ N, hủy một phần Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 07-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N (đối với phần diện tích đất 37m² vợ chồng ông Lê Sỹ N đang tranh chấp với vợ chồng ông Nguyễn T). Buộc UBND thành phố T phải trả cho ông Lê Sỹ N và bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 832.722.000 đồng giá trị 37m² đất là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản

án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án sơ thẩm không tuyên tính lãi suất khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 7, 30, 32, 115, 116; 165, 173 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ N về việc “Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 07-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ N (Đối với phần diện tích đất 37m² vợ chồng ông Lê Sỹ N đang tranh chấp với vợ chồng ông Nguyễn T).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải trả cho ông Lê Sỹ N và bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 832.722.000 đồng (Tám trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) giá trị 37m² đất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng UBND thành phố T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000424 ngày 30-12-2019 của Cục thi hành án

dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm